

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty Cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, thương mại và kinh doanh Bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 bao gồm:

- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Thi công xây lắp các công trình điện có cấp điện áp từ 110KV trở lên;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (thang máy);
- Buôn bán tư liệu sản xuất (chủ yếu là hàng vật liệu xây dựng, thiết bị điện và vật liệu điện);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác (xây dựng các công trình công nghiệp);
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác (xây dựng các công trình dân dụng);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (đầu tư, xây dựng và kinh doanh phát triển nhà; cho thuê mặt bằng, nhà xưởng sản xuất);
- Cho thuê xe có động cơ (xe ô tô, phương tiện vận chuyển).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh. Tại thời điểm cuối kỳ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối kỳ được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ kế toán.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 07 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
Phần mềm máy vi tính	03 – 05 năm

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này).

05. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

06. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Các khoản chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ;
- Chi phí sửa chữa nhà Đông Á;
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower;
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower;
- Chi phí sửa chữa VP tầng 3B toàn nhà 47 Vũ Trọng Phụng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

08. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

09. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	2.067.620	65.704.814
- Tiền gửi ngân hàng	312.012.952	1.199.263.122
Cộng	314.080.572	1.264.967.936

02. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Phải thu khác	1.399.070.409	228.422.307
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	345 583 333	75.583.333
+ Công ty Cổ phần Xây dựng Alphanam	975 508 489	-
+ Các khoản phải thu khác	77.978.587	152.838.974
Cộng	1.399.070.409	228.422.307

03. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	47.863.708.560	45.133.531.451
- Thành phẩm	93.813.423	93.813.423
- Hàng hoá	14.007.042.065	8.321.869.582
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	61.964.564.048	53.549.214.456

04. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tạm ứng	399.243.363	298.641.174
- Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.586.200	2.034.410.454
Cộng	410.829.563	2.333.051.628

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAME&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	583.653.320	11.356.995.264	308.217.200	13.327.374.824
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	583.653.320	11.356.995.264	308.217.200	13.327.374.824
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.078.509.040	565.311.678	5.814.321.608	308.217.200	7.766.359.526
- Khấu hao trong kỳ	-	13.333.338	631.359.000	-	644.692.338
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	1.078.509.040	578.645.016	6.445.680.608	308.217.200	8.411.051.864
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	-	18.341.642	5.542.673.656	-	5.561.015.298
2. Tại ngày cuối kỳ	-	5.008.304	4.911.314.656	-	4.916.322.960

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.095.353.768 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 5.166.913.492 đồng và 2.691.100.756 đồng đã được thể chấp để đảm bảo cho khoản vay số 722/TD ngày 17/5/2010 của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hoàn Kiếm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

06. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	-	180.000.000
- Mua trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	180.000.000	-	180.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
<i>Số dư đầu năm</i>	180.000.000	-	180.000.000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	180.000.000	-	180.000.000
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-
2. Tại ngày cuối kỳ	-	-	-

07. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Đầu tư cổ phiếu		30.005.690.502		26.113.641.600
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên ^(*)	863.898	30.005.690.502	751.845	26.113.641.600
Cộng		30.005.690.502		26.113.641.600

(*) Trong kỳ, Công ty đã mua 112.053 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên với giá mua bình quân là 34.734 đồng/ cổ phiếu.

08. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	207.387.561	272.056.556
- Chi phí Sửa chữa nhà Đông Á	9.224.883.456	10.339.639.638
- Chi phí thuê sàn tầng 2&3 tòa nhà Sakura Tower	52.378.787.892	24.053.787.884
- Chi phí thuê sàn tầng 3B tòa nhà Sakura Tower	18.242.424.246	18.478.787.880
- Chi phí sửa chữa VP tầng 3B toàn nhà 47 Vũ Trọng Phụng	50.299.495	-
Cộng	80.103.782.650	53.144.271.958

09. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn	52.389.136.169	44.162.021.225
- Vay ngân hàng	52.389.136.169	44.162.021.225
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội ^(a)	24.857.340.184	29.281.125.652
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam ^(b)	27.531.795.985	14.880.895.573
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	486.006.709
- Vay dài hạn đến hạn trả	-	486.006.709
+ Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	486.006.709
Cộng	52.389.136.169	44.648.027.934

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội để phục vụ hoạt động kinh doanh. Thời hạn vay theo từng khế ước vay nhưng không quá 10 tháng từ ngày giải ngân. Lãi suất vay từ 11,5%/năm đến 13%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô Bentley BKS 30Z - 6540.
- (b) Khoản vay ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam với mục đích bổ sung vốn ngắn hạn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay theo từng hợp đồng là 5 tháng với lãi suất 8%/năm. Các khoản vay được đảm bảo bằng việc cầm cố 29.706.938 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (ALP) của bà Đỗ Thị Minh Anh, bà Nguyễn Ngọc Mỹ và ông Nguyễn Minh Nhật.

Đơn vị tính: VND

10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	123.912.558
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	103.420.125	247.595.105
- Thuế thu nhập cá nhân	6.722.754	15.618.636
Cộng	110.142.879	387.126.299

11. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Trích trước chi phí công trình	191.713.540	191.713.540
Cộng	191.713.540	191.713.540

12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	523.555.577	464.671.144
- Bảo hiểm xã hội	31.457.420	22.815.920
- Bảo hiểm y tế	28.400.306	2.232.306
- Bảo hiểm thất nghiệp	12.378.879	1.452.879
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.365.165.176	6.497.887.828
+ Công ty Cổ phần công trình giao thông 118 – Momota	1.900.000.000	-
+ Ông Nguyễn Tuấn Hải	2.500.000.000	5.780.000.000
+ Ông Lâm Sơn Tùng	210.336.143	208.374.395
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	291.742.620	22.011.108
+ Các đối tượng khác	463.086.413	487.502.325
Cộng	5.960.957.358	6.989.060.077

13. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	5.467.000.000	6.378.000.000
- Vay dài hạn ngân hàng	5.467.000.000	6.378.000.000
+ Ngân hàng thương mại cổ phần Quân Đội (*)	5.467.000.000	6.378.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Cộng	5.467.000.000	6.378.000.000

- (*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng vay trung hạn kỳ hạn 03 năm với lãi suất 15%/năm để sửa chữa tòa nhà số 02 Đại Cồ Việt. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền khai thác tòa nhà số 02 Đại Cồ Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	840.866.910	10.267.338.639	131.108.205.549
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	662.763.092	662.763.092
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	840.866.910	10.930.101.731	131.770.968.641
Số dư đầu năm nay				
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	366.671.353	366.671.353
Tăng khác	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	120.000.000.000	840.866.910	11.296.773.084	132.137.639.994

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	72.001.000.000	72.001.000.000
- Các đối tượng khác	47.999.000.000	47.999.000.000
Cộng	120.000.000.000	120.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	120.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.000.000</i>	<i>12.000.000</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu bán hàng hóa	73.987.564.416	6.463.520.494
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.141.578.482	1.087.175.390
- Doanh thu kinh doanh bất động sản	5.796.015.116	3.747.110.808
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	31.074.091.924	50.370.414.387
Cộng	111.999.249.938	61.668.221.079

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chiết khấu thương mại	326.508.500	-
- Hàng bán bị trả lại	20.175.673	-
Cộng	346.684.173	-

03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	73.640.880.243	6.463.520.494
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.141.578.482	1.087.175.390
- Doanh thu thuần kinh Doanh bất động sản	5.796.015.116	3.747.110.808
- Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	31.074.091.924	50.370.414.387
Cộng	111.652.565.765	61.668.221.079

04. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	68.885.837.965	6.676.385.900
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.109.316.289	1.001.061.486
- Giá vốn kinh doanh bất động sản	2.802.296.106	2.448.989.545
- Giá vốn của hoạt động xây dựng	27.778.972.583	46.773.972.634
Cộng	100.576.422.943	56.900.409.565

05. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.197.006	11.140.483
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.781.171	16.091.305
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	384.137	-
- Lãi bán hàng trả chậm	-	2.209.741.228
Cộng	22.362.314	2.236.973.016

06. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lãi tiền vay	4.422.565.766	5.850.303.113
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	59.929	107.576.263
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	18.571.691
- Hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	(6.126.656.942)
- Chi phí tài chính khác	2.765.166	-
Cộng	4.425.390.861	(150.205.876)

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Thu nhập khác	20.646.474	11.194.936
Cộng	20.646.474	11.194.936

08. Chi phí khác

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phạt vi phạm hợp đồng	188.245.739	824.446.129
- Chi phí khác	-	16.428.115
Cộng	188.245.739	840.874.244

09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ kế toán hiện hành	103.420.125	108.500.802
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	103.420.125	108.500.802

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	366.671.353	315.847.019
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	12.000.000	12.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	26

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	27.612.027.533	46.232.751.032
- Chi phí nhân công	3.488.146.919	2.997.580.549
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	644.692.338	667.942.591
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.632.645.871	3.245.235.160
- Chi phí khác bằng tiền	3.078.672.958	2.674.530.289
Cộng	40.456.185.619	55.818.039.621

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Hội đồng quản trị		
+ Vay tiền trong kỳ (không tính lãi)	2.501.961.748	15.250.000.000
+ Trả tiền vay trong kỳ	5.780.000.000	4.600.000.000
Ban điều hành		
+ Tạm ứng	20.000.000	-

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban điều hành		
+ Tạm ứng	20.000.000	-
Cộng nợ phải thu	20.000.000	-
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả phải nộp khác (vay không tính lãi)	2.710.336.143	5.988.374.395
Cộng nợ phải trả	2.710.336.143	5.988.374.395

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Tiền lương và thù lao	223.941.000	561.688.000
Cộng	223.941.000	561.688.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	Công ty trong cùng hệ thống

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Alpha Nam Sài Gòn	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Liên doanh Fuji-Alpha	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu Foodinco	Công ty con của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông 118 – Momota	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Hà Tây	Công ty trong cùng hệ thống
Công ty Cổ phần Viễn Thông Thăng Long	Công ty cùng tập đoàn Alphanam

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
+ Cho mượn tiền	1.912.508.489	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
+ Mua hàng	42.874.264.527	-
+ Bán hàng	11.101.663.700	-
+ Cho thuê xe ô tô	342.000.000	362.792.000
+ Cho vay	-	3.000.000.000
+ Cho mượn tiền	380.000.000	-
+ Thuê xe ô tô	26.915.000	-
Công ty Liên doanh FUJI ALPHA		
+ Mua hàng và dịch vụ	3.970.252.969	2.194.700.280
+ Thuê ô tô	-	4.500.000
+ Bán hàng	-	57.805.044
+ Cho thuê văn phòng và điện nước	930.080.237	-
Công ty Cổ phần Alphanam Food		
+ Mua hàng	7.221.200	-
+ Thực hiện nâng cấp cải tạo tòa nhà tại 33 Bà Triệu và tầng 1 Tòa nhà Sakura	18.187.696.634	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
+ Bán hàng	7.334.162.127	1.198.032
+ Cho thuê văn phòng và điện nước	1.653.122.098	1.680.639.843
+ Mua hàng	23.000.000	6.628.645
+ Lãi vay	1.783.622.832	-
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
+ Điện nước	443.674.164	-
+ Mua 112.053 cổ phiếu của Công ty CP Minh Nguyên	3.892.048.902	-
Công ty CP Foodinco Miền Trung		
+ Thuê văn phòng	-	7.260.146
+ Bán hàng	870.645.454	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long

+ Mua hàng	643.975.253	83.917.167
+ Bán hàng	15.389.280.000	3.893.604
+ Cho thuê ô tô	-	3.606.000
+ Cho thuê văn phòng và điện nước	78.200.724	-

Công ty TNHH sơn Kansai- Alphanam

+ Cho thuê văn phòng và điện nước	190.519.227	-
+ Mua hàng	180.700.000	-

Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng

+ Bán hàng	-	3.338.249.919
+ Doanh thu từ hợp đồng xây dựng	-	12.499.595.543
+ Lãi bán hàng trả chậm	-	2.209.741.228

Công ty Cổ phần Công trình giao thông 118 – Momota

+ Mua hàng	-	2.546.524.400
+ Cho thuê ô tô	-	36.864.000
+ Bán hàng	-	2.757.057.389

Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên

+ Thuê nhà	-	723.495.697
+ Chi phí thuê dịch vụ điện nước, bảo vệ	-	96.311.174
+ Bán hàng	-	4.792.128

Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam

+ Mua 6.504.015 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng	-	64.389.748.500
+ Bán 1.034.260 Cổ phiếu Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á	-	64.389.924.820
+ Cho thuê ô tô	-	1.284.000

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
+ Phải thu khách hàng	7.210.268.965	12.391.954.090
+ Phải thu khác	975.508.489	-
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long		
+ Phải thu khách hàng	17.101.139.237	86.910.441
+ Trả trước cho người bán	-	427.174.937
Công ty Cổ phần Alphanam Food		
+ Phải thu khách hàng	11.247.466.297	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
+ Phải thu khách hàng	8.067.578.340	-
+ Trả trước cho người bán	-	194.823.461
Công ty Liên doanh FUJI ALPHA		
+ Phải thu khách hàng	1.169.361.164	353.786.882
Công ty TNHH sơn Kansai- Alphanam		
+ Phải thu khách hàng	114.712.501	12.373.786
Công ty cổ phần công trình giao thông 118 – MOMOTA		
+ Phải thu khách hàng	14.163.158	3.249.101.204
+ Phải thu khác	46.312.333	46.312.333
Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam		
+ Phải thu khách hàng	1.669.298.326	-
+ Phải thu khác	345.583.333	75.583.333
+ Trả trước cho người bán	16.255.414.243	6.994.953.065

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
+ Trả trước cho người bán	224.109.684	-
Cộng nợ phải thu	64.440.916.070	23.832.973.532
Công ty Cổ phần Alphanam Xây dựng		
+ Phải trả người bán	35.951.813	602.517.374
Công ty CP Foodinco Miền Trung		
+ Phải trả người bán	194.524.147	244.524.147
Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long		
+ Phải trả người bán	281.197.841	-
Công ty Cổ phần Alphanam Sài Gòn		
+ Phải trả người bán	827.414.050	836.205.129
Công ty Cổ phần Dịch vụ và Thương mại Đông Á		
+ Phải trả người bán	31.879.950.879	-
+ Phải trả khác	291.742.620	22.011.108
Công ty Liên doanh FUJI ALPHA		
+ Phải trả người bán	8.088.822.446	9.250.194.428
Công ty TNHH sơn Kansai- Alphanam		
+ Phải trả người bán	198.770.000	-
Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn		
+ Phải trả người bán	117.651.966	139.988.761
Công ty cổ phần công trình giao thông 118 – MOMOTA		
+ Phải trả người bán	2.682.290.120	2.812.290.120
+ Phải trả khác	1.900.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên		
+ Phải trả người bán	-	4.238.461.254
Cộng nợ phải trả	46.498.315.882	18.146.192.321

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Thông tin bộ phận theo khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

Công ty có các khu vực địa lý kinh doanh sau:

- Miền Bắc
- Miền Trung
- Miền Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý kinh doanh của Công ty như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Cộng
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014				
Doanh thu thuần, bán hàng và cung cấp dịch vụ	81.529.212.764	4.625.074.234	25.498.278.767	111.652.565.765
Chi phí trực tiếp	73.769.859.533	4.134.199.862	22.672.363.548	100.576.422.943
Các chi phí phân bổ	7.622.205.317	432.400.415	2.383.846.347	10.438.452.079
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	137.147.914	58.473.957	442.068.872	637.690.743
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	28.936.657.973	-	-	28.936.657.973
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.914.479.248	108.606.576	598.753.795	2.621.839.619
Số dư tại ngày 30/6/2014				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	172.387.648.336	6.464.668.192	41.936.072.247	220.788.388.775
Tài sản phân bổ cho bộ phận	88.058.814.364	4.995.492.285	27.540.413.067	120.594.719.716
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	314.080.572
Tổng tài sản	260.446.462.700	11.460.160.477	69.476.485.314	341.383.108.491
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	99.293.642.062	1.644.762.393	37.851.970.565	138.790.375.020
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	51.446.630.600	2.918.518.130	16.089.944.747	70.455.093.477
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	150.740.272.662	4.563.280.523	53.941.915.312	209.245.468.497

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lĩnh vực kinh doanh:

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 1: Lĩnh vực xây lắp
- Lĩnh vực 2: Lĩnh vực thương mại
- Lĩnh vực 3: Lĩnh vực khác

Đơn vị tính: VND

	Hoạt động xây lắp điện	Kinh doanh thương mại	Lĩnh vực khác (dịch vụ, cho thuê, ...)	Cộng
Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	31.074.091.924	73.640.880.243	6.937.593.598	111.652.565.765
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	103.333.152.674	145.455.887.440	92.279.987.805	341.069.027.919
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	8.053.378.475	19.085.284.336	1.797.995.162	28.936.657.973
Từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/6/2013				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	50.370.414.387	6.463.520.494	4.834.286.198	61.668.221.079
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận	171.599.773.766	22.019.645.222	16.469.239.493	210.088.658.481
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	222.858.177	28.597.112	21.388.750	272.844.039

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	314.080.572	-	1.264.967.936	-	314.080.572	1.264.967.936
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.543.577.203	(7.015.372.822)	102.244.467.781	(7.015.372.822)	106.528.204.381	95.229.094.959
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	30.005.690.502	-	26.113.641.600	-	30.005.690.502	26.113.641.600
Cộng	143.863.348.277	(7.015.372.822)	129.623.077.317	(7.015.372.822)	136.847.975.455	122.607.704.495

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số cuối kỳ	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	107.268.565.246	60.430.537.147	107.268.565.246	60.430.537.147
Vay và nợ	57.856.136.169	51.026.027.934	57.856.136.169	51.026.027.934
Chi phí phải trả	191.713.540	191.713.540	191.713.540	191.713.540
Các khoản phải trả khác	9.310.545.222	10.479.871.649	9.310.545.222	10.479.871.649
Cộng	174.626.960.177	122.128.150.270	174.626.960.177	122.128.150.270

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do trình trạng thiếu vốn.

Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính cho của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	107.268.565.246	-	-	107.268.565.246
Vay và nợ	52.389.136.169	5.467.000.000	-	57.856.136.169
Chi phí phải trả	191.713.540	-	-	191.713.540
Các khoản phải trả khác	5.365.165.176	3.945.380.046	-	9.310.545.222
Cộng	165.214.580.131	9.412.380.046	-	174.626.960.177
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	60.430.537.147	-	-	60.430.537.147
Vay và nợ	44.648.027.934	6.378.000.000	-	51.026.027.934
Chi phí phải trả	191.713.540	-	-	191.713.540
Các khoản phải trả khác	6.497.887.828	3.981.983.821	-	10.479.871.649
Cộng	111.768.166.449	10.359.983.821	-	122.128.150.270

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ALPHANAM E&C

Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư.

07. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

08. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2014

Người lập biểu

Bùi Thị Hồng

Kế toán trưởng

Lê Văn Đạt

Tổng Giám đốc



Nguyễn Tuấn Hải